Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị tổng hợp: Tỉnh Quảng Ngãi
Tên đơn vị tổng hợp: UBND xã Sơn Mai
Mã đơn vị tổng hợp: 148076

Mẫu số 18c-BC/HT

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THUỘC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THIẾT CHẾ THỂ THAO, LÀNG VĂN HÓA - DU LỊCH CÁC DÂN TỘC VIỆT N

Tổng hợp chung ***(Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)***

(Kèm theo Báo cáo số 486/BC-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng		Chỉ tiêu về hiện vật		Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản			
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	**Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao**	**-**	**48**	**-**	**41.784**	**36.242.858.282**	**26.200.681.617**	**48**		**48**			
1	***Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã (****)***	**-**	***12***	**-**		***20.056.130.402***	***14.107.861.302***	***12***		***12***			
1.1	*Đất*	*Khuôn viên*	*6*	*m2*	*26.430*	*7.904.004.400*	*7.904.004.400*	*6*		*6*			
1.2	*Nhà*	*Cái*	*4*	*m2*	*1.084*	*9.218.619.002*	*4.368.993.702*	*4*		*4*			
1.3	*Công trình khác*	*Cái*	*2*	*-*		*2.933.507.000*	*1.834.863.200*	*2*		*2*			
2	***Nhà văn hóa, khu thể thao thôn (làng, ấp, bản và tương đương)***	**-**	***36***	**-**		***16.186.727.880***	***12.092.820.315***	***36***		***36***			
2.1	*Đất*	*Khuôn viên*	*21*	*m2*	*11.655*	*2.771.556.000*	*2.771.556.000*	*21*		*21*			
2.2	*Nhà*	*Cái*	*15*	*m2*	*2.616*	*13.415.171.880*	*9.321.264.315*	*15*		*15*			
2.3	*Công trình khác*	*Cái*		*-*									
3	***Thư viện công cộng cấp xã (*****)***	**-**		**-**									
3.1	*Đất*	*Khuôn viên*		*m2*									
3.2	*Nhà*	*Cái*		*m2*									
3.3	*Công trình khác*	*Cái*		*-*									
II	**Hệ thống hạ tầng trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam**	**-**		**-**									
1	***Đường giao thông nội bộ (bao gồm cả các công trình gắn với đường giao thông nội bộ)***	***Tuyến/ Đoạn***		***km***									
2	***Tài sản kết cấu hạ tầng khác***	***Hệ thống***		**-**									
2.1	*Hạ tầng cáp*	*Hệ thống*		*-*									
2.2	*Hệ thống cấp điện*	*Hệ thống*		*-*									
2.3	*Hệ thống cấp nước*	*Hệ thống*		*-*									
2.4	*Hệ thống bãi đỗ xe*	*Hệ thống*		*m2*									

2.5	*Hạ tầng khác*	*Hệ thống*		-									
	TỔNG CỘNG		**48**			**36.242.858.282**	**26.200.681.617**	**48**	**0**	**48**	**0**	**0**	**0**

TVHTT

AM

Ghi chú
(25)

0